

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3445 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ nội dung quy định tại số thứ tự 15 phần I Mục A Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính này tại Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ

tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *notuan*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, các Cục, Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**PHỤ LỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC**  
**TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ**  
**CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

| TT        | Số hồ sơ TTHC                            | Tên thủ tục hành chính                                        | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế                                                                                                                                                                                               | Lĩnh vực                      | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                             |
|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A.</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp Trung ương</b> |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                       |                               |                                                                                                                                                               |
| 1.        | 1.004038                                 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu <sup>1</sup> | Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu) |

<sup>1</sup> Tên cũ của TTHC này là “Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu”.

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

#### **I. TTHC Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu (1.004038)**

##### **1. Trình tự thực hiện:**

###### **- Bước 1:**

Chủ vật thể (chủ hàng) nộp (gửi) 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu tại cơ quan kiểm dịch thực vật (các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, các Trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu) hoặc qua bưu chính hoặc qua Cơ chế một cửa Quốc gia (trực tuyến).

###### **- Bước 2:**

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

###### **- Bước 3:**

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm, xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật và bố trí công chức kiểm tra lô vật thể.

###### **- Bước 4:**

Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết.

##### **2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp
- Bưu chính
- Trực tuyến (Cơ chế một cửa Quốc gia)

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT);

- Bản sao chụp hoặc bản điện tử hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp hoặc bản điện tử thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

- Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan kiểm dịch thực vật (bao gồm các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII và IX; các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu).

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT).

**8. Phí, lệ phí:**

Theo quy định Thông tư 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 (Mục III, Biểu phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp).

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT).

**10. Điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Điều 33 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

Điều 6, Điều 7 Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

Điều 2 Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 02 năm 2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện

kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1 Thông tư số 03/2024/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 34/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 29 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Phụ lục I****MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (\*)**

Kính gửi: .....(\*\*).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....Fax/E-mail: .....

Số Giấy CMND: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (\*\*\*):

1. Tên hàng: .....Tên khoa học:.....

Cơ sở sản xuất: .....

Mã số (nếu có): .....

Địa chỉ:.....

2. Số lượng và loại bao bì: .....

3. Khối lượng tịnh:.....Khối lượng cả bì:.....

4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...): .....

5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....

Địa chỉ:.....

6. Nước xuất khẩu:.....

7. Cửa khẩu xuất: .....

8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....

Địa chỉ:.....

9. Cửa khẩu nhập: .....

10. Phương tiện vận chuyển:.....

11. Mục đích sử dụng: .....

12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu (nếu có): .....

13. Địa điểm kiểm dịch: .....

14. Thời gian kiểm dịch: .....

15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp: .....

16. Nơi hàng đến:.....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (\*\*\*\*).

**Tổ chức cá nhân đăng ký**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch**

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm: ..... để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi.....giờ ngày.....tháng.....năm.....

Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Vào số số....., ngày...tháng...năm...

.....(\*).....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Cơ quan Hải quan**

(trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do: .....

.....

....., ngày...tháng...năm...

**Cơ quan Hải quan .....**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(\*) Đăng ký theo Mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(\*\*) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(\*\*\*) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(\*\*\*\*) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

**Phụ lục II****MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA***(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)*(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)  
(TÊN CƠ QUAN KDTV)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số: ...../KDTV

Cấp cho: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....

**CĂN CỨ CẤP GIẤY:**

- ☐ Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ..... ngày.../.../...;
- ☐ Giấy đăng ký KDTV;      ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
- ☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;
- ☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;
- ☐ Căn cứ khác: .....

**CHỨNG NHẬN:**

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây: .....

Số lượng: .....

Khối lượng: .....(viết bằng chữ).....

Phương tiện vận chuyển:.....

Nơi đi: .....

Nơi đến: .....

- ☐ Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam;
- ☐ Phát hiện loài ..... là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;
- ☐ Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;
- ☐ Lô vật thể trên được phép chở tới:.....

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:**

- ☐ Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;
- ☐ Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam;

☐ Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng*, ☐ .);

☐ Điều kiện khác: .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký tên, đóng dấu)

*notuan*

**Ghi chú:** Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.